

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2012 VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

TS. Vũ Trọng Bình

Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn

Email: trongbinh@fjpt.vn

Bài báo phân tích những khó khăn và thuận lợi của nông nghiệp Việt Nam năm 2012, trong bối cảnh đất nước tiếp tục phải chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ suy thoái kinh tế toàn cầu. Từ những kết quả mà nền nông nghiệp đạt được, tác giả chỉ ra những vấn đề cần giải quyết cũng như tiềm năng phát triển nông nghiệp của Việt Nam trong tương lai.

Từ khóa: nông nghiệp Việt Nam, liên kết trong nông nghiệp, nông nghiệp bền vững

1. Khó khăn và thuận lợi phát triển nông nghiệp Việt Nam năm 2012

Năm 2012, cùng với bối cảnh chung của nền kinh tế, nông nghiệp Việt Nam tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm cho thị trường xuất khẩu thu hẹp, đầu tư suy giảm. Thị trường tiêu dùng trong nước cũng suy giảm, cùng với cạnh tranh mạnh mẽ của sản phẩm nông sản nhập khẩu, làm cho đầu ra của sản phẩm nông nghiệp càng khó khăn hơn.

Hơn nữa, sản xuất 2012 càng khó khăn với những tác động về thời tiết, dịch bệnh gia súc, gia cầm, vật tư giá cả tăng cùng cộng hưởng với những khó khăn từ thị trường xuất khẩu. Những áp lực về kiểm chế lạm phát, lãi suất tín dụng vẫn duy trì ở mức cao, nợ xấu và tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng gặp nhiều khó khăn... gây áp lực lên thị trường tiền tệ và tỷ giá, gây ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển sản xuất, thương mại của ngành nông nghiệp, đặc biệt đối với hoạt động xuất khẩu nông sản. Bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng đã đặt ra nhiều thách thức về sử dụng nguồn lực, cạnh tranh về lao động, thị

trường... Qui hoạch đất đai thiếu ổn định cho nông nghiệp làm cho an toàn đầu tư trong nông nghiệp thấp hơn nhiều công nghiệp và dịch vụ, do vậy vốn đầu tư trong nông nghiệp không được cải thiện.

Tuy nhiên, sự phát triển sản xuất, thương mại của ngành nông nghiệp cũng có một số thuận lợi với những định hướng phát triển kinh tế của Chính phủ như: tái cấu trúc nền kinh tế, chính sách tiền tệ có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện mới, Chính phủ có nhiều ưu tiên trong việc tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, phục hồi tăng trưởng... Trong năm 2012, ngành nông nghiệp đã chủ trương: đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, xây dựng đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo đó tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực như đất đai, vốn, đổi mới dịch vụ công, nâng cao vai trò của kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất; thúc đẩy hợp tác công tư trong nông nghiệp (PPP); tổ chức lại các ngành hàng nông sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, đặc biệt giá trị gia tăng cho nông dân, doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phát triển mô hình cánh đồng mẫu lớn trong sản xuất trồng trọt nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và liên

kết trong ngành hàng; tăng cường kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm; đề xuất Chính phủ các gói hỗ trợ giải cứu một số lĩnh vực trong nông nghiệp; tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến thương mại các vùng miền; xây dựng chính sách hỗ trợ dự trữ thóc gạo cho nông dân; tích cực tham gia vào sửa đổi luật đất đai và xây dựng luật HTX, tích cực việc đổi mới doanh nghiệp nông nghiệp, các nông lâm trường; triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các đề án quốc gia, chương trình quốc gia khác về xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề cho lao động nông thôn...

Đứng trước những thuận lợi và thách thức của năm 2012, mục tiêu của ngành nông nghiệp vẫn định hướng phát triển sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành, phát triển bền vững; tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường; góp phần kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội. Phần đầu đạt mức tăng trưởng GDP của ngành đạt 2,5 – 2,6%; giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp tăng 4 – 4,5%; kim ngạch xuất khẩu 25,5 – 26 tỷ USD. So với kết quả tăng trưởng 4% của năm 2011, chỉ tiêu tăng trưởng GDP trong ngành nông, lâm thủy sản được đưa ra năm nay hết sức khiêm tốn, từ 2,5% đến 2,6%. Nhưng đó cũng là một thách thức rất lớn trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là về lạm phát cao, đầu tư giảm và hệ thống doanh nghiệp rơi khủng hoảng, trong đó có các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản, xuất khẩu khó khăn.

2. Những kết quả sản xuất nông nghiệp 2012

Tính đến tháng 9/2012, sản xuất nông, lâm nghiệp- thủy sản tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá với 3,7%, ước cả năm tăng 3,9%. Sản lượng sản xuất nhiều loại cây, con đạt kỷ lục mới, sản lượng nhiều cây công nghiệp đạt mức cao nhất từ trước đến nay như cà phê, hồ tiêu, cao su...

2.1. Sản xuất lương thực khá về sản lượng, nhưng giảm về giá trị

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tình hình sản xuất nông nghiệp 10 tháng đầu năm 2010 đạt được những kết quả khả quan, đặc biệt trong sản xuất lương thực, một số cây công nghiệp và thủy sản.

Đối với sản xuất lúa, miền Bắc và miền Nam đã cơ bản đạt các chỉ tiêu về diện tích, trong nhiều năm gần đây mặc dù diện tích trồng lúa có biến động, nhưng do năng suất lúa tăng nên sản lượng lúa từ đó là sản lượng gạo được duy trì ở mức độ ổn định. Sản lượng lúa cả năm ước đạt trên 43 triệu tấn, tăng khoảng 1 triệu tấn so với năm trước và cao nhất từ trước đây nay. Như vậy, trong nhiều năm gần đây mặc dù diện tích trồng lúa có biến động, nhưng do năng suất lúa tăng nên sản lượng lúa từ đó là sản lượng gạo được duy trì ở mức độ ổn định. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tính đến hết tháng 10/2012, lượng xuất khẩu nhóm hàng này là 6,9 triệu tấn, tăng 8% và trị giá đạt 3,13 tỷ USD, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong 10 tháng qua, Trung Quốc là đối tác lớn nhất nhập khẩu gạo của Việt Nam với 1,84 triệu tấn, tăng gấp hơn 6 lần so với cùng kỳ năm 2011. Tiếp theo là Philippines: 1,1 triệu tấn, tăng 14%; Malaysia: 671 nghìn tấn, tăng 67,2%; Bờ Biển Ngà: 476 nghìn tấn, tăng 69,6%; Ấn Độ: 467 nghìn tấn, giảm 68,2% và Ghana: 270 nghìn tấn, tăng gấp gần 2 lần.

2.2. Sản xuất thủy sản tăng trưởng sản lượng, giá bán giảm, nông dân và doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn

Theo Tổng cục Thống kê, sản lượng thủy sản cả nước 10 tháng đầu năm 2012 ước tính đạt 4.836,3 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2599,1 nghìn tấn, tăng 5,7%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.237,2 nghìn tấn, tăng 4,6%, trong đó khai thác biển đạt 2.076,5 nghìn tấn, tăng 5,3%. Tình hình sản xuất thủy sản trong năm 2012 gặp khá nhiều khó khăn. Về nuôi trồng thủy sản, nuôi cá tra gặp nhiều khó khăn do giá bán cá tra nguyên liệu giảm, chi phí đầu vào tăng cao nên diện tích nuôi bị thu hẹp. Nuôi tôm bị ảnh hưởng từ dịch bệnh có xu hướng lây lan trên diện rộng, khiến nhiều địa phương bị thiệt hại, đặc biệt là nuôi tôm sú. Về khai thác, khó khăn từ chi phí nguyên liệu tăng và ảnh hưởng từ một số cơn bão mạnh, song nhìn chung, hoạt động khai thác cơ bản diễn ra ổn định. Theo Tổng cục Thủy sản, sản lượng nuôi cá tra 9 tháng đầu năm 2012 đạt 860 nghìn tấn, giảm 0,6%; sản lượng nuôi tôm đạt 250 nghìn tấn giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2011. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm 2012 đạt 5.110,6 triệu USD, tăng

3,4% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó xuất khẩu tôm các loại đạt 1.857,5 triệu USD, giảm 4,9%; cá tra đạt 1.455,1 triệu USD, giảm 2,2%; cá ngừ đạt 481,9 triệu USD, tăng 53,3%; nhuyễn thể đạt 486,6 triệu USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Các thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch lớn nhất: Mỹ (20%), EU (18,7%), Nhật Bản (17,7%).

Theo dự báo của VASEP (thời điểm giữa tháng 11/2012), kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2012 sẽ đạt gần 6,2 tỷ USD, tăng gần 1% so với năm 2011, nhưng thấp hơn so với mục tiêu 6,5 tỷ USD đã đề ra. Và trong năm 2013, xuất khẩu thủy sản nước ta vẫn sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Nhập khẩu nguyên liệu thủy sản đã tăng mạnh trong năm 2012 để duy trì tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trước những khó khăn về nguyên liệu trong nước. Theo Tổng cục Hải Quan, kim ngạch nhập khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm 2012 đạt 552,1 triệu USD, tăng 31,3% so với cùng kỳ năm 2011.

2.3. Ngành chăn nuôi tăng trưởng chậm, trang trại gặp nhiều khó khăn

Theo Tổng cục Thống kê, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của Việt Nam 9 tháng đầu năm 2012 ước đạt khoảng 28.708 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994), tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2011. Tuy nhiên, xét giá trị qua từng quý thì sản xuất có dấu hiệu chùng xuống kể từ giữa năm, do hàng loạt biến động và khó khăn từ các chủ thể chăn nuôi, trong đó điển hình là về vốn, lãi suất, chi phí đầu vào cao và giá cả đầu ra thấp. Nếu trong hai quý đầu năm, giá trị sản xuất đều tăng khoảng 7% so với cùng kỳ năm 2011 thì đến quý 3 chỉ đạt tương đương so với cùng kỳ. Trong tháng 9/2012, đàn trâu cả nước giảm 5% so với số lượng 2,9 triệu con của cùng kỳ năm 2011; đàn bò giảm 6,5% so với số lượng 5,9 triệu con của cùng kỳ năm 2011; đàn lợn, đàn gia cầm xấp xỉ cùng kỳ (trong đó đàn lợn đạt 26,8 triệu con). Về tăng trưởng sản lượng các loại thịt, theo Cục Chăn nuôi, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 9 tháng đầu năm 2012 đạt bằng cùng kỳ năm trước; thịt bò hơi xuất chuồng ước tính tăng 1,5%; thịt lợn hơi tăng 2,6%; thịt gia cầm tăng 7%.

Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, kim ngạch nhập khẩu thịt các loại của Việt Nam 9 tháng đầu năm 2012 đạt gần 100,1 triệu USD, giảm 11,5% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất: Thịt gia cầm chiếm 55%, thịt

trâu bò chiếm 32,8% và thịt lợn chiếm 5,5% tổng kim ngạch nhập khẩu. Các thị trường cung cấp thịt lớn nhất cho Việt Nam là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Braxin và Úc. Trong khi đó, xuất khẩu thịt các loại của Việt Nam 9 tháng đầu năm 2012 đạt 48,5 triệu USD, tăng 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Thịt lợn là mặt hàng được xuất chủ yếu, chiếm 91,6% tổng kim ngạch xuất khẩu thịt các loại. Thịt lợn xuất chủ yếu sang Hồng Kông, chiếm trên 90% tổng kim ngạch xuất đi các thị trường.

2.4. Sản xuất các cây công nghiệp

Cà phê: Niên vụ sản xuất 2011/2012, các ngành hàng cây công nghiệp có tự ổn định nhất định, diện tích gieo trồng cà phê niên vụ 2011/2012 đạt 614.545 ha (tăng so với niên vụ trước trên 66 nghìn ha); năng suất cà phê so với niên vụ trước tăng 1,6 tạ/ha và sản lượng đạt 1.273.012 tấn (tăng so với niên vụ trước khoảng 170 nghìn tấn). Trong khi đó, mặc dù theo quy hoạch sản xuất hồ tiêu của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đến năm 2020 diện tích hồ tiêu cả nước là 50.000 ha, nhưng đến năm 2012, diện tích hồ tiêu cả nước đã đạt 60.000 ha. Tuy nhiên, năm 2012, năm suất và sản lượng hồ tiêu của cả nước giảm nhẹ, nguyên nhân là năng suất tiêu bình quân giảm mạnh do hàng trăm ha tiêu trồng tự phát đã bị dịch bệnh chết, hoặc không cho thu hoạch, năng suất thấp. Theo dự báo của Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam thì tổng nguồn cung năm 2012 của Việt Nam sẽ giảm khoảng 10% so với năm 2011.

Ngành điều: theo số liệu thống kê của các địa phương trồng điều cho biết trong 6 tháng đầu năm 2012, diện tích cây điều đang thu hoạch trên cả nước còn khoảng 315.200 ha trên tổng diện tích 355.000 ha, giảm khoảng 15.000 ha tương đương giảm 5% so với cùng kỳ năm 2011. Năng suất điều bình quân cũng giảm từ 9,1 tạ/ha năm 2011 xuống còn 8,4 tạ/ha. Do năng suất cây điều giảm mạnh, sản lượng điều niên vụ này đã giảm hơn 10% so với năm trước, chỉ đạt gần 265.000 tấn, giảm 100 ngàn tấn so với dự kiến, chỉ đáp ứng 40% nhu cầu chế biến toàn ngành.

Mía đường: Niên vụ 2010/11, diện tích trồng mía của Việt Nam khoảng 271,40 nghìn ha, tăng 6,3 nghìn ha (2,38%) so với niên vụ 2009/10; năng suất mía nguyên liệu bình quân đạt 60,50 tấn/ha. Cả nước có 39 nhà máy đường hoạt động với tổng công suất thiết kế là 112.200 tấn mía/ngày (TMN). Sản

lượng mía ép công nghiệp đạt 12,5 triệu tấn, đáp ứng trên 74% công suất thiết kế của các nhà máy. Tính đến ngày 15/10/2012, đã có 11 nhà máy đường đi vào sản xuất, các nhà máy đã ép được 620.000 tấn mía, sản xuất được 47.800 tấn đường. So với cùng kỳ năm trước, lượng mía ép tăng 444.000 tấn, lượng đường sản xuất tăng 26.500 tấn. Niên vụ 2011/12, Việt Nam tiêu thụ khoảng 1,35 triệu tấn đường, tương đương với niên vụ 2009/10. Như vậy, so với 5 niên vụ trước đó, tổng tiêu thụ đường của Việt Nam có xu hướng giảm nhẹ. Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, trong 9 tháng đầu năm 2012, kim ngạch nhập khẩu đường của Việt Nam là 103,6 triệu USD, giảm 44,77% so với năm 2011. Thị trường chính cung cấp đường cho Việt Nam là Thái Lan, Philippines, Malaysia, Trung Quốc và Mỹ. Trong đó, đường tinh chủ yếu là từ Thái Lan, Malaysia và Philippines; đường thô từ Thái Lan và Philippines và các loại đường khác từ Trung Quốc và Mỹ.

Cao su: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tính đến hết tháng 10/2012, lượng xuất khẩu mật hàng này của cả nước đạt 815 nghìn tấn, tăng 37,7% và trị giá đạt 2,31 tỷ USD, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2011 (tăng 952 triệu USD do lượng tăng và giảm 1,17 tỷ USD do giá giảm). Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 10 tháng qua với 387 nghìn tấn, tăng 9,8% và chiếm tới 47,4% lượng cao su xuất khẩu của cả nước; tiếp theo là Malaysia: 160 nghìn tấn, tăng 3,5 lần so với cùng kỳ năm 2011;...

Gỗ và sản phẩm gỗ: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ trong 10 tháng lên 3,78 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2011. Trong đó, xuất sang Hoa Kỳ đạt 1,46 tỷ USD, tăng 28,4%; sang Trung Quốc: 599 triệu USD, tăng 7,6%; sang Nhật Bản: 543 triệu USD, tăng 14% và sang EU: 499 triệu USD, tăng 9,4%.

2.5. Nhận định về thành tựu nông nghiệp 2012 và một số vấn đề tồn tại

Trên tổng thể về sản xuất của ngành nông nghiệp trong năm 2012, giá trị sản xuất vẫn được duy trì và có mức tăng trưởng khá, dự báo đạt được mức độ tăng trưởng GDP chung từ 2,5-2,6%, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Đánh giá về những thành tựu của nông nghiệp năm 2012, ngoài sự đóng góp về mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, nông nghiệp còn góp phần quan trọng vào kiểm

chế lạm phát, nếu tính 10 tháng đầu năm, chỉ số CPI của cả nước tăng 7% thấp nhất so với hai năm trước. Sự tăng thấp này có sự đóng góp tích cực của nông nghiệp khi giá lương thực tăng 1,41%; giá thực phẩm tương ứng tăng 1,11%. Với kết quả đó, nhiều chuyên gia cho rằng, năm 2012 nông nghiệp đã "cứu" cho nền kinh tế của Việt Nam trên 3 chỉ tiêu phát triển cơ bản đó là "cứu tăng trưởng", "cứu nhập siêu" và "cứu giá" (kim chế lạm phát). Tuy vậy, những khó khăn vẫn tiếp tục tiềm ẩn đặc biệt là những tác động từ thời tiết, dịch bệnh ngày càng phức tạp và khó kiểm soát hơn, bức tranh toàn cảnh nền nông nghiệp Việt Nam trong năm 2012, là gặp khó khăn rất lớn từ thị trường, giá trị xuất khẩu giảm mặc dù sản lượng tăng.

Chuỗi ngành hàng nông sản đã lộ rõ những khủng hoảng về thể chế, tài chính qua nhiều doanh nghiệp chế biến, thương mại bị phá sản, cầm chừng hoạt động do đổ vỡ tín dụng, khủng hoảng do thị trường khó khăn như ngành hàng thủy sản. Sự đổ vỡ của các doanh nghiệp thủy sản là rất đáng tiếc, vì đây là ngành hàng được tổ chức tốt nhất theo chuỗi trong số các ngành hàng nông sản. Qui mô ngành hàng lớn, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, nhưng quản trị ngành hàng, liên kết chuỗi, chính sách quản lý vẫn chưa xứng tầm của một ngành hàng chuyên nghiệp. Điều này thể hiện rõ qua việc chúng ta chưa thực hiện được việc quản lý chất lượng theo chuỗi có truy xuất nguồn gốc, các giao dịch thương mại trong chuỗi không rõ sự tham gia của các yếu tố chất lượng, những yếu tố của hệ thống kỹ thuật sản xuất, môi trường, rủi ro. Các trang trại thủy sản hầu như không được quản lý về chất lượng, tài chính và mua bảo hiểm như tiêu chuẩn trang trại hiện đại. Ngành hàng không có cơ chế chia sẻ rủi ro theo chuỗi, thương hiệu yếu, mới dừng ở hợp đồng nông dân doanh nghiệp (contract) mua đứt bán đoạn chứ chưa đi đến sự liên kết thực sự (integration). Các doanh nghiệp và nông dân, đều cố gắng đạt được lợi nhuận cơ hội mang tính thời điểm hơn là liên kết tìm lợi nhuận bền vững lâu dài.

Đối với một số ngành hàng khác như chè, cà phê,... các doanh nghiệp cũng đều không tạo được liên kết với nông dân, thu mua nông sản phải thông qua đội ngũ thương lái. Do vậy, khi thương lái nước ngoài vào liên kết với thương lái trong nước mua hàng và xuất khẩu, các doanh nghiệp đều khó khăn, nhiều doanh nghiệp nguy cơ phá sản. Sự khủng

khoảng thể chế ngành hàng này đã làm rõ sự yếu kém của ngành hàng nông sản Việt Nam, không có liên kết vì chính sách Nhà nước chưa tạo ra những điều kiện cần bản để ràng buộc cả nông dân và doanh nghiệp phải tôn trọng các liên kết được kí. Rủi ro từ liên kết, đầu tư lâu dài khiến không doanh nghiệp nào còn dám liên kết với nông dân và ngược lại. Sự mất lòng tin, thiếu khuôn khổ thể chế đảm bảo, nên liên kết không phát triển. Chính sách Nhà nước chưa rõ ràng trong cấp phép hoạt động thương mại của thương lái đã làm cho sự lộn xộn của thương lái nước ngoài khó kiểm soát.

Ngành hàng nông sản vẫn chưa có giải pháp đột phá nâng giá trị gia tăng, đa phần các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam mới dừng lại ở việc xuất khẩu thô, không thương hiệu, rất nhiều sản phẩm có giá trị địa dư cao như: thủy sản, chăn nuôi, lâm nghiệp, hay các sản phẩm cây công nghiệp như chè, cà phê... nhưng việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, hệ thống tiêu chuẩn có xác nhận, để nâng giá bán, gia tăng giá trị xuất khẩu cho các ngành hàng còn hạn chế. Vệ sinh an toàn thực phẩm có biểu hiện ngành càng trầm trọng, chưa có giải pháp đột phá căn bản, vấn đề kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm tươi sống như: rau, hoa quả, thịt, hay các sản phẩm chế biến như: chè, cà phê... vẫn khó khăn. Tình trạng rau, củ, quả nhập không rõ nguồn gốc, gia cầm nhập lậu có dư lượng hóa chất cao... vẫn đang diễn ra, dẫn đến nhiều thị trường tiêu dùng chưa an toàn, dẫn đến nhiều sản phẩm bị mất thị trường ngay tại thị trường nội địa như: hoa quả, thịt.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong xây dựng ban hành chính sách, những về căn bản đầu tư trong nông nghiệp tính hấp dẫn và an toàn đầu tư vẫn còn thấp hơn nhiều các ngành khác. Hệ thống dịch vụ công nông nghiệp vẫn mang nặng là hệ thống tự thực hiện dịch vụ công như từ ban hành, triển khai chính sách và làm dịch vụ. Chậm đổi mới theo hướng quản trị hiện đại mang tính chất kiểm tra, giám sát và các tác nhân phi Nhà nước sẽ được ủy thác thực hiện dịch vụ công. Những cơ chế chính sách chưa thực sự hỗ trợ hiệu quả sự đổ vỡ của nhiều trang trại chăn nuôi và thủy sản.

Trước những thách thức này, ngoài việc duy trì những ngành hàng liên quan đến an ninh lương thực như: lúa gạo, các sản phẩm có thể mạnh như: cà phê, hồ tiêu, hạt điều, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tập

trung vào các giải pháp tái cơ cấu ngành. Theo đó, thủy sản, chăn nuôi và lâm nghiệp là 3 ngành hàng được xác định là chủ lực, có nhiều dư địa để phát triển. Trong đó tôm, cá tra, ba sa là 3 sản phẩm chính, cần duy trì về sản lượng nhưng phải tăng về chất lượng, công nghiệp chế biến. Trong chăn nuôi, sẽ tập trung tổ chức lại mô hình sản xuất theo kiểu liên kết chuỗi trong sản xuất, chế biến và tiêu dùng.

3. Triển vọng và chiến lược phát triển một nền nông nghiệp trong tương lai

Bối cảnh nước ta và quốc tế đòi hỏi phải xây dựng một nền nông nghiệp mới, phù hợp những thách thức của thời đại cả về kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình toàn cầu hóa, có những sứ mệnh phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Nông nghiệp mới đảm bảo được chức năng là nơi cơ hội tạo sinh kế, công ăn việc làm cho hàng triệu nông dân, giữ an ninh lương thực và cung cấp thực phẩm cho xã hội, là lĩnh vực kinh tế quan trọng có tính cạnh tranh cao trong nền kinh tế quốc dân, bảo vệ sinh thái, môi trường, văn hóa bản địa. Vậy, những đặc trưng cơ bản của một nền nông nghiệp mới mà chúng ta mong muốn xây dựng là gì, là câu hỏi nhiều nhà quản lí và khoa học trả lời.

3.1. Nền nông nghiệp có công nghệ thích hợp hiệu quả với sự quản lí chuyên nghiệp hiện đại, cạnh tranh cao. Một nền nông nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả phải có giá trị gia tăng cao nhất trong một điều kiện thị trường, môi trường, kinh tế - xã hội cho phép. Do đó, không nhất thiết phải có công nghệ cao nhất, nhưng phải có công nghệ thích hợp và hiệu quả, có sự quản lí chuyên nghiệp và hiện đại về tài chính, chất lượng, bảo hiểm, thương hiệu, môi trường. Nông nghiệp hiện nay đã bắt đầu chuyển môn hóa mạnh, nhưng ít tính chuyên nghiệp. Một trang trại hàng trăm ha, hoặc hàng vạn gia cầm quản lí cũng không khác gì hộ qui mô nhỏ. Để tăng tính chuyên nghiệp, cần có những nghiên cứu, thử nghiệm cả về kinh tế, kĩ thuật, chính sách để dần dần gắn điều kiện quản lí chất lượng, bảo hiểm, quản lí dịch bệnh, bảo hiểm... tăng dần theo qui mô sản xuất. Tiến dần tới cấp phép sản xuất, gắn với yêu cầu quản lí trang trại, dần dần đảm bảo toàn bộ sản xuất nông nghiệp qui mô trang trại gia đình được cấp phép trên cơ sở yêu cầu về quản lí chuyên nghiệp, hiện đại.

3.2. *Nền nông nghiệp nông dân là chủ thể*, trong sản xuất, kinh doanh. Để dân có thể là chủ thể, cần rõ quan điểm, nền nông nghiệp quan trọng nhất là có sự mệnh đảm bảo sinh kế, công ăn việc làm của hàng triệu nông dân. Hiện nay, cộng đồng dân cư nông thôn truyền thống tương đối đồng nhất, đang dần dần trở thành các cộng đồng nghề nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, nghề phụ, thủy sản, công nhân khu CN...), có đặc điểm về lợi ích, xã hội, kinh tế khác nhau, đôi khi mâu thuẫn. Quá trình xây dựng nền nông nghiệp mới, chỉ thành công khi gắn với quá trình tổ chức hợp lý các cộng đồng nghề nghiệp trong nông thôn, đảm bảo sự hợp tác hiệu quả giữa các cộng đồng thông qua các tổ chức của họ. Các nghiên cứu, lý luận, thực nghiệm về vấn đề này ở Việt Nam còn rất ít, cần đẩy mạnh. Hơn thế nữa, đây là một việc rất quan trọng vì nếu một nền nông nghiệp hiện đại, mà nông dân bị bán cùng hóa như ở nhiều nước Châu Phi, Mĩ La Tinh thì chúng ta sẽ không giải quyết được vấn đề nông dân. Để làm được vai trò chủ thể của mình, nông dân không thể như hiện nay, từng bước phải trở thành những hộ sản xuất gia đình qui mô lớn, chuyên nghiệp, có sự liên kết mạnh trong sản xuất, quản lý chất lượng đầu tư chế biến, quản lý thương hiệu, đàm phán thương mại. Phải hình thành những tổ chức đại diện thực sự cho nông dân theo ngành nghề mang tính liên tỉnh, liên vùng để tăng tính liên kết. Nhất là những ngành hàng có sự cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài nước như cà phê, cao su, điều, thủy sản... Cần phát triển các HTX trang trại nông dân thủy sản, cà phê, phát triển hiệp hội liên vùng các trang trại cà phê, thủy sản,... xây dựng pháp lý cho phát triển nghiệp đoàn toàn quốc của nông dân cà phê, thủy sản... để làm cơ sở cho liên kết sản xuất, tiếp cận thị trường và cũng giúp cho quản lý Nhà nước hiệu quả hơn. Do vậy, cần nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất trực canh, tạo việc làm cho hộ gia đình phải là chính sách ưu tiên trong sử dụng đất đai, đầu tư trong nông nghiệp. Doanh nghiệp nên được khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực công nghệ cao, chế biến, lưu trữ... nhưng cần có qui hoạch và kiểm soát để khỏi lấn sàm nông dân, chiếm đất đai, thị trường của nông dân.

3.3. *Nền nông nghiệp có tính liên kết (integration) mạnh* giữa các vùng sản xuất nông nghiệp trong những ngành hàng liên vùng, giữa nông nghiệp và công nghiệp dịch vụ, giữa nông dân với

nhau để tăng qui mô sản xuất kinh doanh, giảm chi phí giao dịch, tăng cạnh tranh. Sự liên kết, xây dựng hành động tập thể phải tổ chức cả trong không gian (cánh đồng và trang trại thuộc sở hữu nhiều chủ, nhưng cùng qui trình, kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng,...). Nhà nước cần ưu tiên, khuyến khích hình thành và phát triển các yếu tố liên kết trong sản xuất như liên kết không gian sản xuất, quản lý chất lượng, cùng đầu tư, quản lý và phát triển thương hiệu chung, bảo hiểm. Các nghiên cứu kinh tế, kỹ thuật, chính sách cần thúc đẩy hợp tác công tư (PPP) giữa nông dân và doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp trong nước và tập đoàn đa quốc gia, để đảm bảo cho quá trình liên kết này sẽ giúp đưa KHCN mới vào sản xuất, công nghệ hiện đại trong quản lý, thương mại kết nối bền vững với thị trường quốc tế, trong nước. Sự liên kết, hay nói riêng hợp tác công tư (PPP), cần được nghiên cứu, thử nghiệm để đảm bảo tính chủ thể của nông dân, giá trị gia tăng nông nghiệp để lại Việt Nam cao hơn nữa, tạo thêm công ăn việc làm, bền vững hơn về môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm tốt hơn đạt tiêu chuẩn cao của thị giới. Cần cần thận trọng, vì quá trình liên kết, nếu không nghiên cứu mô hình tốt, nông dân và doanh nghiệp trong nước sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào các tập đoàn đa quốc gia nước ngoài.

3.4. *Nền nông nghiệp có qui hoạch ổn định, lâu dài* ở cấp độ quốc gia có tính liên vùng tránh sự chia cắt bởi không gian hành chính, trong từng vùng, đến tận xã, thôn bản, nhất là ven đô thị. Cần nghiên cứu về điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường, sản xuất, thị trường để hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp từng vùng, trên cơ sở đó qui hoạch ổn định sử dụng đất cho nông nghiệp lâu dài trên 50 năm, sẽ đảm bảo cho sự tách bạch về thị trường đất đai đô thị, công nghiệp,... với đất nông nghiệp. Sự tách bạch này, nếu được luật hóa, sẽ kéo đất nông nghiệp giảm giá, chống đầu cơ đất nông nghiệp làm đô thị, nông dân sản xuất trực canh thực sự mới có cơ hội tiếp cận, tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp. Sự dịch chuyển liên tục vành đai đô thị theo kiểu làn song hiện nay, chứ không theo kiểu mạng lưới xen vùng nông nghiệp, đã làm cho hình thành một vành đai nông nghiệp thoái hóa, cách tâm đô thị lớn tới, hàng trăm km, ở đó sản xuất nông nghiệp cầm chừng, đất đai tích tụ để đầu cơ. Nghiên cứu cơ chế chính sách để nông dân phải được sở hữu và thừa kế, chuyển nhượng, để sản xuất theo qui hoạch.

Những ai không là nông dân, không được sở hữu tư nhân đất nông nghiệp, bắt buộc phải bán lại cho nông dân. Đảm bảo thực sự đất nông nghiệp là để làm nông nghiệp, và là công cụ sản xuất thực sự của nông dân. Sự ổn định qui hoạch, không những về sản xuất mà cả mạng lưới nhà máy chế biến, đại lí thương mại dịch vụ... sẽ làm nền tảng pháp lí để cấp giấy phép cho sản xuất, chế biến, dịch vụ đầu vào, đầu ra... theo qui hoạch, những ai làm sai những qui định nhà nước, có thể bị thu hồi giấy phép sản xuất, chế biến, dịch vụ cho nông nghiệp để đem đấu giá.

3.5. Nền nông nghiệp sinh thái bền vững, thân thiện môi trường, có sự qui hoạch đảm bảo sự cân đối trong không gian, hài hòa về sinh học, kiểm soát được ô nhiễm môi trường, đảm bảo được sự bền vững độ phì của đất, kiểm soát được sói mòn, phát triển bền vững rừng sản xuất và giữ được rừng đặc dụng, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nước, khí thải carbon thấp, giữ được đa dạng sinh học. Các nhà nghiên cứu kĩ thuật nông nghiệp cần nghiên cứu thúc đẩy các kĩ thuật canh tác của một nền nông nghiệp mới, đảm bảo sự thân thiện với môi trường, sinh thái, giảm khí thải nhà kính. Cần có những qui định kiểm soát, cấp chứng chỉ trong sản xuất, sử dụng trong kinh doanh giao dịch, tổ chức sản xuất, hỗ trợ xây dựng thương hiệu với sản phẩm nông nghiệp, có sử dụng kĩ thuật canh tác thân thiện với môi trường và sinh thái. Đây cũng là những điều kiện mà thị trường các nước phát triển đang yêu cầu ngày càng nhiều. Nông nghiệp mới, cần có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi khí hậu thông qua sự thay đổi hệ thống canh tác, tổ chức sản xuất để tận dụng lợi thành lợi thế; kiểm soát được dịch bệnh qua con đường sinh học, sản xuất tiết kiệm năng lượng...

3.6. Nền nông nghiệp có tính nhân văn, văn hóa, xã hội cao nhất là ở các vùng miền núi, dân tộc, truyền thống nông nghiệp. Nền nông nghiệp, trong quá trình phát triển của mình, ở những vùng

ơ hội việc làm trong công nghiệp và dịch vụ chưa có, ít, thì việc tích tụ ruộng đất quá nhanh mang tính cơ học, sẽ tước đoạt cơ hội việc làm của người dân, sẽ mất tính nhân văn. Sự đầu tư nông nghiệp vùng núi, có thể tạo ra giá trị gia tăng cao hơn, nhưng làm phá vỡ không gian sinh tồn, không gian văn hóa và sản xuất, làm bản cùng hóa đồng bào dân tộc, thì cũng mất tính nhân văn. Nông nghiệp, những vùng núi cao, biên giới phải là không gian văn hóa, tâm linh, sinh kế của đồng bào dân tộc, vùng sản xuất gắn với an ninh quốc phòng. Nhà nước cần có chính sách, phát triển vùng nông nghiệp nhân văn, ở đó những giá trị xã hội, nhân văn được đề cao, Nhà nước sẽ dùng chính sách của mình để làm cho sản phẩm vùng đó vẫn có thể cạnh tranh trên thị trường thông qua các ngành hàng thương mại công bằng, tự nhiên, hữu cơ, bản địa.

Nếu xác định rõ những nội hàm của một nền nông nghiệp mới, chúng ta có thể định hướng nghiên cứu về kĩ thuật, hệ thống sản xuất, tổ chức dịch vụ công. tổ chức ngành hàng, thị trường, chính sách và đối tượng, phương pháp tiếp cận nghiên cứu mới. Những tiếp cận nghiên cứu mới cần làm ngay: giúp quá trình tái cơ cấu đầu tư ngành nông nghiệp vào những lĩnh vực tạo giá trị gia tăng cao, thúc đẩy đầu tư tư nhân và hộ gia đình...; đổi mới cơ chế chính sách tạo điều kiện cho đầu tư vào nông nghiệp, bảo vệ môi trường bền vững, cải cách triệt để hệ thống dịch vụ công... đổi mới mô hình quản lí mang nặng hành chính, tập trung sang mô hình quản lí mang tính điều phối, phi tập trung hóa, giám sát đánh giá kết quả đạt được. Một chiến lược phát triển nông nghiệp, cần làm rõ, chi tiết kết hoạch phát triển cho từng lĩnh vực, hình thức tổ chức sản xuất cụ thể, chính sách hỗ trợ nông dân... □

Tài liệu tham khảo:

1. Viện Chính sách và Chiến lược PTNN-NT: Báo cáo tổng hợp tình hình các ngành hàng nông nghiệp, BMCLCS II/2012.
2. Vũ Trọng Bình, 2011. New rural development: Resultants and Discussions. In Tia sang Magazine, 9/2011.
3. Vũ Trọng Bình and al, 2011: Resultants, Impact of Strategy of intervention for agriculture, famer and rural area
4. Paule Moustier, Phan Thị Giac Tam, Dao The Anh, Vu Trong Binh and Nguyen Thi Tan Loc, 2010. The role of farmer organizations in supplying supermarkets with quality food in Vietnam. Food Policy, Volume 35, Issue 1, February 2010, Pages 69-78.